



14/4/21

## **DAILY** MORNING

Lạm phát phản ánh vận động hồi  
phục của kinh tế Mỹ

|                   | 14/4     | % Sáng<br>14/4 | 13/4     | % Ngày<br>13/4 | % Tuần | % Tháng |
|-------------------|----------|----------------|----------|----------------|--------|---------|
| VN INDEX          |          |                | 1,248.33 | -0.33%         | 0.68%  | 5.65%   |
| S&P 500           |          |                | 4,141.59 | 0.33%          | 1.66%  | 5.13%   |
| S&P500<br>Futures | 4,133.25 | 0.01%          | 4,132.80 | 0.30%          | 1.56%  | 4.42%   |
| Shanghai          |          |                | 3,396.47 | -0.48%         | -2.48% | -1.17%  |
| Euro Stoxx        |          |                | 3,966.99 | 0.13%          | -0.09% | 3.85%   |



Nguồn: Bloomberg, BSC

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | PTKT                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Chỉ số giá tiêu dùng Mỹ đạt +2.6% YoY trong tháng 3, sau khi đạt +1.7% YoY trong tháng 2, cao nhất từ 8/2018.</li> <li>Thặng dư thương mại Trung Quốc đạt 13.8 tỷ USD trong tháng 3 (vs. 20 tỷ USD cùng kỳ). Lũy kế tới cuối tháng 3, thặng dư thương mại đạt 117.1 tỷ USD (vs. 12.8 tỷ USD cùng kỳ). Xuất khẩu tăng 30.6% YoY lên 241.1 tỷ USD trong tháng 3. Nhập khẩu tăng 38.1% YoY lên 227.3 tỷ USD trong tháng 3.</li> <li>Mỹ dừng sử dụng vaccine Covid-19 của Johnson &amp; Johnson trong những ngày tới nhằm tìm hiểu nguyên nhân gây đông máu của 6 phụ nữ dưới 50 tuổi sau khi được tiêm phòng vaccine này.</li> </ul> | <p>S&amp;P 500</p> <p>Xu hướng Tăng</p> <p>Kháng cự 4000</p> <p>Hỗ trợ 3500</p> <p>Điểm PTKT TÍCH CỰC</p> <hr/> <p>SHComp</p> <p>Xu hướng Tích lũy</p> <p>Kháng cự 3700</p> <p>Hỗ trợ 3450</p> <p>Điểm PTKT TRUNG LẬP</p> |

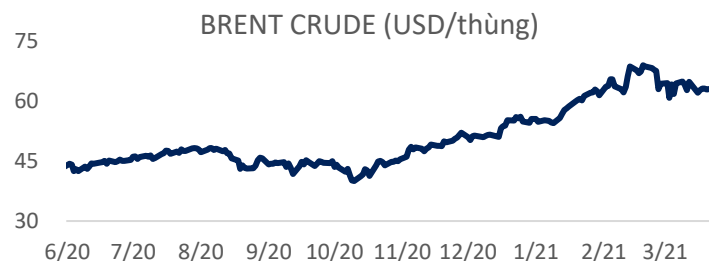


Nguồn: Bloomberg, BSC

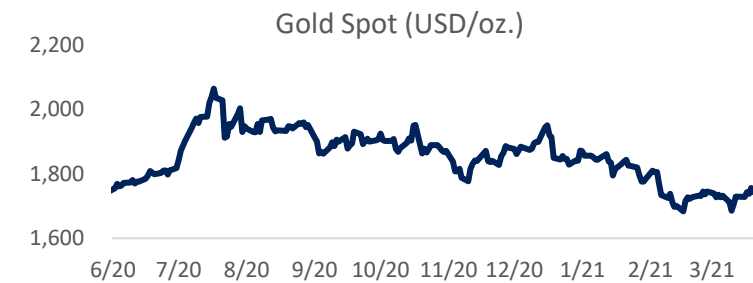
| Mặt hàng     | Đơn vị   | 14/4     | % Sáng 14/4 | 13/4    | % 13/4 | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|-------------|---------|--------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 60.51    | 0.55%       | 60.18   | 0.80%  | 1.24%  | -7.53%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. | 64.00    | 0.52%       | 63.67   | 0.62%  | 1.33%  | -6.81%  | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| GASOLINE     | USd/gal. | 197.24   | -0.17%      | 197.57  | 0.29%  | 1.06%  | (0.06)  | HVN, VJC           | PLX, OIL           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,746.61 | 0.06%       | 1745.51 | 0.74%  | 0.51%  | 0.86%   | PNJ                | PNJ                |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 25.35    | 0.01%       | 25.35   | 2.14%  | 0.80%  | -3.40%  | PNJ                | PNJ                |
| SOYBEAN      | USd/bu.  | 1,387.00 | 0.16%       | 1384.75 | 0.00%  | -1.14% | -1.65%  | HKB                | DBC, QNS           |
| WHEAT        | USd/bu.  | 637.25   | 0.59%       | 633.50  | 0.00%  | 3.45%  | 0.04%   |                    | AFX                |
| MILK         | USD/cwt  |          |             | 19.47   | 0.05%  | 1.51%  | 7.10%   | VNM, GTN, QNS      | KDC                |
| RUBBER       | JPY/kg   | 226.50   | 0.85%       | 224.60  | -0.84% | -8.63% |         | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| SUGAR        | USd/lb.  |          |             | 15.50   | 0.91%  | 3.13%  | -2.45%  | SBT, LSS, SLS, QNS | VNM, GTN, QNS      |
| COFFEE       | USd/lb.  |          |             | 131.95  | 1.50%  | 2.53%  | -1.79%  | CTP, DLG           | VCF, CTP           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |             | 8899.50 | 0.43%  | -1.63% | 0.43%   | MSN, ACM, BGM      | CAV, SAM, TGP, VTH |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 5,132.00 | 1.38%       | 5062.00 | 1.28%  | 0.10%  | 9.47%   | HSG, HPG, NKG      | PC1, CTD, HBC      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |             | 2293.00 | 1.37%  | 1.10%  | 5.77%   |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 1,013.50 | -0.20%      | 1015.50 | 2.58%  | 2.58%  | 7.93%   | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |             | 87.45   | 2.76%  | -0.23% | 6.32%   | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USd = US Cent

- Theo API, dự trữ dầu thô của Mỹ giảm -3.608 triệu thùng trong tuần kết thúc hôm 9/4, sau khi giảm -2.618 triệu thùng trong tuần liền trước



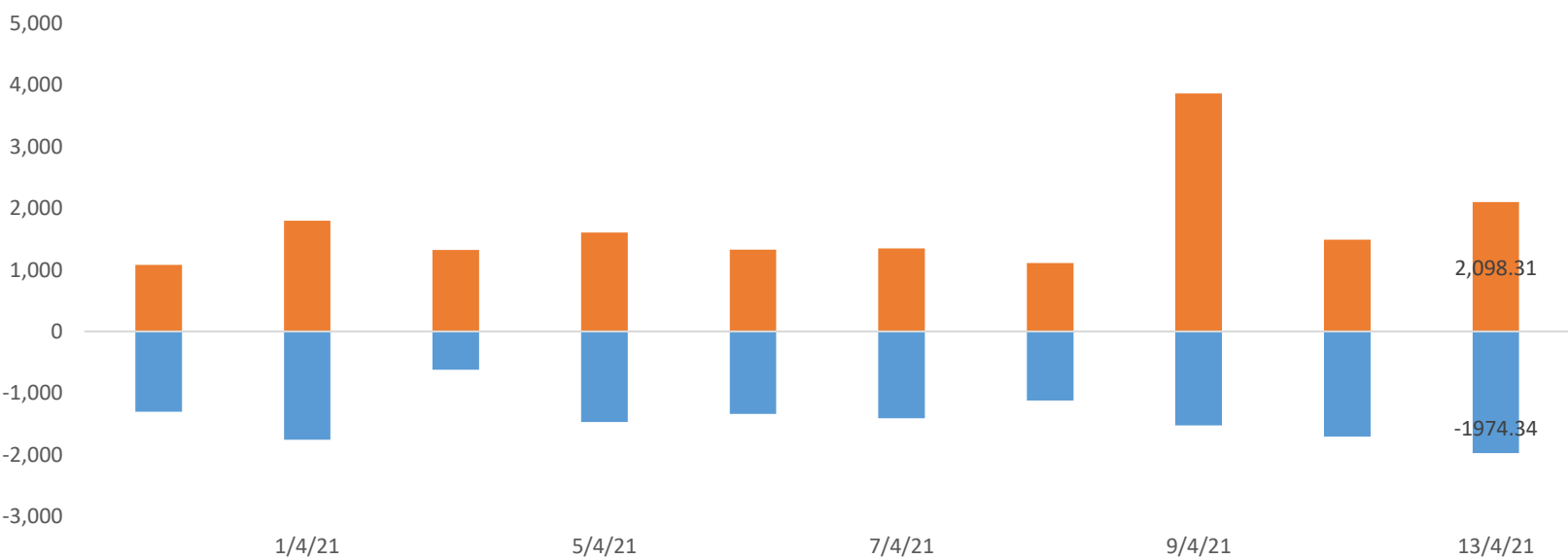
Nguồn: Bloomberg, BSC



Nguồn: Bloomberg, BSC

| ETF       | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %     | Dòng vốn ròng (triệu USD) |      |       |       | Nhận định                                                                              |
|-----------|------------------|-----------------|--------------------|-------|---------------------------|------|-------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                  |                 |                    |       | 1D                        | 1W   | 1M    | 3M    |                                                                                        |
| VNM       | 509.4            | 18.8            | 0                  | 0.5%  | 0.0                       | 0.9  | 1.8   | 17.0  | ETF E1 và Diamond tăng quy mô. Các ETFs khác cân bằng và duy trì quy mô hiện tại.      |
| FTSE      | 440.1            | 40.1            | 0                  | -0.3% | 0.0                       | 3.8  | 11.6  | 26.2  |                                                                                        |
| iShare    | 443.4            | 30.6            | 0                  | 0.2%  | 0.0                       | 0.0  | -1.5  | -1.5  | Khối ngoại bán ròng ở hầu hết các nước khu vực, ngoại trừ thị trường Korea và Vietnam. |
| E1VFN30   | 365.1            | 0.9             | 0.5                | -1.0% | 0.5                       | 11.7 | -10.6 | -13.4 |                                                                                        |
| FUEVFN30  | 455.3            | 0.9             | 3.0                | 0.7%  | 2.7                       | 15.5 | 48.1  | 173.0 |                                                                                        |
| FUESSVFL  | 91.1             | 0.8             | 0.0                | 0.4%  | 0.0                       | -1.2 | -1.3  | 25.2  |                                                                                        |
| FUESSVN30 | 3.6              | 0.7             | 0.0                | 0.0%  | 0.0                       | 0.0  | 0.0   | 0.2   |                                                                                        |
| FUEMAVN30 | 20.7             | 0.6             | 0.0                | 0.3%  | 0.0                       | 0.0  | 1.7   | 9.3   |                                                                                        |
| VN100     | 3.6              | 0.7             | 0.0                | 1.6%  | 0.0                       | 0.0  | -0.7  | -0.7  |                                                                                        |
| KIM       | 171.2            | 16.0            | 0.0                | 0.6%  | 0.0                       | 0.0  | -12.3 | -65.4 |                                                                                        |
| PREMIA    | 28.8             | 12.2            | 0                  | 0.2%  | 0.0                       | 0.0  | -0.5  | 0.5   |                                                                                        |

| Khối ngoại<br>(tr. USD)                               | Ngày   | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------------------------------------|--------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                                              | 5.54   | -6.17                 | 118.37                 |
| ASEAN4*                                               | -45.22 | 45.34                 | -270.99                |
| Ấn Độ                                                 | -81.14 | 44.41                 | 44.41                  |
| Đài Loan                                              | -85.89 | -381.05               | 1064.81                |
| Hàn Quốc                                              | 369.66 | 116.08                | 2116.06                |
| Nhật Bản                                              |        | 8,839.09              | 8839.10                |
| Trung Quốc                                            |        |                       | 60865.07               |
| Ghi chú: * Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia |        |                       |                        |
| Credit Default Swap                                   |        | MoM %                 |                        |
| Việt Nam                                              |        | 0.16                  |                        |
| Thái Lan                                              |        | 5.89                  |                        |
| Singapore                                             |        | 0.16                  |                        |
| Phillippines                                          |        | 13.20                 |                        |
| Malaysia                                              |        | 12.74                 |                        |



Nguồn: Fiinpro, BSC

## Tin vĩ mô

- NHNN công bố dự thảo Thông tư bổ sung quy định về giảm vốn điều lệ của NHTM cổ phần (trừ trường hợp ghi giảm vốn điều lệ của NHTM trong trường hợp chuyển giao bắt buộc NHTM được kiểm soát đặc biệt).
- GRDP trên địa bàn TP HCM 3 tháng đầu năm ước đạt hơn 329.000 tỷ đồng (tăng 4,58% so với cùng kỳ); Thu ngân sách Nhà nước ước hơn 104.000 tỷ đồng (đạt 28,52% dự toán).
- Bộ GTVT có văn bản gửi Bộ KH&ĐT đề nghị báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp vận tải bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 thông qua các chính sách ưu đãi vốn vay, giảm thuế phí, giãn thời hạn nộp thuế.
- Chính phủ ban hành Nghị định 47/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, trong đó quy định cụ thể về sở hữu chéo giữa các công ty trong nhóm công ty.

## Thông số kỹ thuật

|          |          |
|----------|----------|
| Xu hướng | Tăng     |
| Chỉ báo  | Khả quan |
| Kháng cự | 1300     |
| Hỗ trợ   | 1230     |



Nguồn: FireAnt, BSC

- FLC: Năm 2021, FLC đặt mục tiêu lợi nhuận trên 1.100 tỷ đồng, doanh thu hợp nhất hơn 15.000 tỷ đồng. Tập đoàn này cũng đặt mục tiêu công bố 20 dự án lớn cùng với mục tiêu đưa Bamboo Airways lên sàn chứng khoán vào quý 3 năm nay.
- DPM: Dự kiến năm 2021 doanh thu hợp nhất năm 2021 sẽ đạt 8,331 tỷ đồng, tăng 4% so với thực hiện trong 2020; lãi sau thuế đạt 365 tỷ đồng, bằng 52% kết quả năm trước.
- TLH: Dự kiến trình kế hoạch tiêu thụ 400.000 tấn thép các loại, doanh thu 5.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 250 tỷ đồng; lần lượt tăng 6,7%, 25% và gấp 3,2 lần thực hiện năm trước.
- VHC: Trong năm 2021, dự kiến doanh thu thuần đạt 8,600 tỷ đồng, tăng 22% so với thực hiện năm trước. Ngược lại, chỉ tiêu lãi sau thuế lại giảm nhẹ, xuống còn 700 tỷ đồng.
- LAS: Đặt kế hoạch doanh thu năm 2021 là 2.825 tỷ đồng, tăng 18% so với năm trước đó. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế 36 tỷ đồng, tăng gần 31%.
- HAG: Công bố BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2020 với khoản lỗ sau thuế tăng 209 tỷ đồng so với báo cáo tự lập đã công bố trước đó. Theo đó, HAG lỗ sau thuế trên 2,38 ngàn tỷ đồng trong cả năm vừa qua.
- KDH: Năm 2021 đặt kế hoạch doanh thu đạt 4.800 tỷ đồng và lãi sau thuế đạt 1.200 tỷ đồng, lần lượt tăng 6% và 4% so với thực hiện năm trước. Mức cổ tức dự kiến là 10%.
- TPB: Đã thông qua việc bán toàn bộ hơn 40 triệu cổ phiếu quỹ hiện có, tương ứng 3,73%/vốn điều lệ. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý II/2021.
- VCI: Đã thông qua việc triển khai phương án phát hành 900.000 cổ phiếu ESOP, với giá 15.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện trong quý II/2021. Bên cạnh đó, VCI cũng thông qua việc trả cổ tức đợt 2 năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 04/5/2021 và thanh toán bắt đầu từ 17/5/2021.
- VHC: Ngày 12/4, HĐQT thống nhất việc mua thêm hơn 1,81 triệu cổ phiếu của CTCP Xuất nhập khẩu Sa Giang (SGC), tương đương 25,43%/tổng số cổ phiếu đã phát hành của SGC.
- ACB: Đã thông qua việc phát hành tối đa 5.000 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ đợt 1 năm 2021. Giá phát hành bằng mệnh giá là 1 tỷ đồng/trái phiếu, kỳ hạn 03 năm, phát hành tối đa 5 đợt, lãi suất cố định (chưa ấn định tỷ lệ).

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*



# Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)

(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)

(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)

(+84)2437173639



### DANH MỤC BÁO CÁO BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR để đọc thêm)*



### CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app zalo để tham gia)*